TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/DS-PT
Ngày: 03- 4- 2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Son**

Các thẩm phán: Ông **Lâm Văn Be**

Bà **Nguyễn Thanh Minh Châu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Nguyện**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Châu** - kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc ***"****Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".* Do bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2019/QĐPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn*****:** Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 256, đường TP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN1 tỉnh TN2; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Luật sư Trịnh Văn H1 – Văn phòng luật sư Gia Thành thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam - có mặt.

*2. **Bị đơn***: Chị Thái Thị H2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 154, đường TP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN1 tỉnh TN2; có mặt.

*3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:* Chị Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 353, đường TP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN1 tỉnh TN2; Tòa không triệu tập.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Thái Thị H2.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo nội dung án sơ thẩm:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị E trình bày:*

Trước đây, bà có cho chị Thái Thị H2 mượn tiền nhiều lần, mỗi lần có ghi giấy nợ, đóng lãi ghi vào sổ của bà Nguyễn Thị E, các số nợ trước đây đã thanh toán rồi.

Sau đó, chị H2 hỏi vay tiền nên ngày 22-3-2016AL (28-4-2016) bà giao cho chị H2 số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận 3%/1 tháng, hẹn 7 ngày trả, chị H2 ghi Biên nhận nợ 800.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, chị H2 đóng lãi được 04 tháng từ ngày vay đến tháng 7-2016AL với số tiền là 96.000.000 đồng. Ngoài ra, chị H2 trả thêm tiền lãi cho bà số tiền là 14.500.000 đồng, cụ thể là trả tiền mặt 12.000.000 đồng, giao chiếc lắc quy ra tiền là 2.500.000đ, chuyển trả qua ngân hàng là 10.000.000 đồng. Tổng cộng, chị H2 trả tiền lãi cho bà là 120.500.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị E yêu cầu chị Thái Thị H2 trả tiền gốc 800.000.000 đồng và trả tiền lãi suất ngân hàng 1,125%/tháng từ ngày 22-3-2016AL (28-4-2018) đến ngày xét xử là (274.500.000đ - 120.500.000đ) = 154.500.000đ.

** Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Thái Thị H2 trình bày:*

Chị có mượn tiền bà Nguyễn Thị E nhiều lần. Đến ngày 22/3/2016AL hai bên chốt nợ là 800.000.000 đồng và lãi suất phải đóng cho bà E 3%/1 tháng/800.000.000 đồng, tức là 24.000.000 đồng/1tháng.

Quá trình đóng lãi của chị như sau:

- Tổng số tiền lãi đã đóng cho bà Nguyễn Thị E từ ngày 22-3-2016 đến tháng 4-2017 là 13 tháng x 24.000.000 đồng là 312.000.000 đồng.

- Tháng 5-2017 đến tháng 9-2017 mỗi tháng tiền lãi là 21.000.000 đồng x 05 tháng là 105.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi đã đóng là: 417.000.000 đồng.

Vào tháng 5 và tháng 6-2017 bà Nguyễn Thị E đi mua xác mì ở ngoài tỉnh Đắc Nông, Đắc Lắc không đủ tiền trả cho ông Hà Điện nên bà E có điện thoại cho chị nói: "Có tiền cho bà E mượn gấp và trừ vào tiền chị mượn để chuyển tiền cho ông Hà Điện thanh toán tiền mua xác mì" và chị đã chuyển theo số tài khoản mà bà E gửi cho chị (chị không quen, không biết ông Hà Điện là ai). Các lần chuyển khoản trả cho ông Hà Điện qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Tây Ninh cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 30-5-2017, chị chuyển 2 lần với tổng số tiền: 62.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 02-6-2017, chị chuyển 25.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 15-6-2017, chị chuyển 40.000.000 đồng.

Tổng cộng chuyển trả cho ông Hà Điện là: 127.000.000 đồng (có bản sổ phụ sao kê tại ngân hàng kèm theo).

Bà Nguyễn Thị E có thiếu Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tây Ninh số tiền là: 69.700.000 đồng. Bà E có kêu chị thanh toán dùm và trừ vào tiền chị đã mượn. Ngày 02-11-2017, chị có trả nợ cho bà E tại ngân hàng này với số tiền là: 69.700.000 đồng. Ngày 19-4-2017, chị chuyển trả nợ gốc cho bà E qua ngân hàng Sacombank chi nhánh Tây Ninh số tiền: 10.000.000 đồng.

Các khoản trả nợ gốc là tiền mặt:

- Số tiền: 60.000.000 đồng bà E ghi nhận trong giấy nợ.

- Ngày 09-4-2017, chị trả nợ gốc: 100.000.000 đồng được bà E ghi trong Biên nhận ngày 22-3-2016 AL là tiền lời.

- Trong tháng 8/2017 ÂL, chị trả cho bà E tiền gốc 3 lần: 10.000.000 đồng; 2.000.000 đồng và 2.500.000 đồng – trả được 14.500.000 đồng.

Tổng cộng: 174.500.000 đồng. Như vậy, chị đã trả nợ gốc và đóng lãi cho bà Nguyễn Thị E như sau:

Đã thanh toán tiền nợ gốc:

+ 127.000.000 đồng + 69.700.000 đồng + 10.000.000 đồng + 174.500.000 đồng = 381.200.000 đồng.

+ Đã thanh toán tiền lãi: 417.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị H2 trình bày chỉ còn nợ tiền gốc bà E là: 418.800.000 đồng nhưng bà E đã nhận tiền lãi của chị quá nhiều yêu cầu khấu trừ lãi vượt quy định theo pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Mỹ D trình bày:*

Trước đây, chị có cho bà E mượn tiền nhiều lần với số tiền 1.240.000.000 đồng. Khi mượn thì bà E không nói mượn tiền cho chị Thái Thị H2, khi bà E không trả thì chị hỏi nợ thì bà E khai mượn tiền cho H2.

Sau đó, bà E có trả tiền lời cho chị D khoảng 100.000.000 đồng vào ngày 09-4-2017AL của tiền nợ 1 tỷ 240 triệu đồng và vẫn còn thiếu nợ chưa đóng đủ. Chị D thấy bà E ghi trả nợ trong giấy biên nhận ngày 22-3-2016AL để nhớ. Đến ngày 03 tháng 8 năm 2016 AL (ngày đám giỗ ba của chị D) bà E trả thêm 01 lần thì không trả nữa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 137/2018/DS-ST ngày 16-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố TN1, tỉnh TN2 tuyên xử:

Căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E đối với chị Thái Thị H2 trong "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Thái Thị H2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền 700.700.000 (Bảy trăm triệu bảy trăm nghìn) đồng. Trong đó, tiền gốc là 645.800.000 (Sáu trăm bốn lăm triệu tám trăm nghìn) đồng và tiền lãi 54.900.000 (Năm mươi bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30-11-2018, bị đơn chị Thái Thị Kim H2 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: Tiền vay 02 bên thống nhất theo giấy nợ 22-3-2016 (al) là 800.000.000 đồng, đã trả lãi 3% theo giấy vay từ 22-3-2016 (al) đến tháng 04-2017 của 800.000.000 đồng là 13 tháng x 24.000.000 đồng = 312.000.000 đồng, lãi từ tháng 05-2017 đến 9-2017 là 5 tháng x 21.000.000 đồng = 105.000.000 đồng. Tổng cộng trả lãi được 417.000.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận trả lãi số tiền 220.000.000 đồng.

Ngoài các khoản tiền nợ gốc được chấp nhận: Tiền chị đã trả thay cho chị E qua chuyển khoản trả cho ông Hà Điện ở Đắc Nông 03 lần tiền: 127.000.000 đồng, cấp sơ thẩm không chấp nhận, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét được chấp nhận phần này, sửa án sơ thẩm

Tại quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KNPVKS-DS ngày 17-12-2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2 kháng nghị bản án sơ thẩm. Cấp sơ thẩm xác định đã trả tiền gốc tổng cộng 154.000.000 đồng, nhưng khi tính lãi lại tính trên số tiền 800.000.000 đồng từ 02-3-2016 đến 16-11-2018 không trừ vào số tiền gốc đã trả. Tính lãi phần nợ gốc còn lại là gây thiệt hại cho chị E.

Chị E thừa nhận có nhận lãi 120.800.000 đồng, trong đó có khoản tiền 14.500.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai của chị H2 là tiền gốc nhưng lại khấu trừ 14.500.000 đồng vào tiền lãi là không đúng. Cấp sơ thẩm có đính chính bản án về số tiền phải chịu án phí khác nhau, không phải do sai số là không đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Thái Kim H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên kháng nghị. Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới, hai bên không tự thỏa thuận được vấn đề giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Thái Thị H2 trình bày: Đối với biên bản ghi lời khai, bà E khai đóng lãi đến tháng 7-2016, nhưng sau đó bà E khai đến tháng 7-2017. Nhưng khi có Luật sư H1 tham gia, bà E khai là tôi đóng lãi đến tháng 7-2016. Bà E khai số tiền 100.000.000 đồng là tiền của bà E trả cho chị D là không chính xác, lời trình bày của bà E là gian dối. Đến tháng 7-2017, tôi vẫn còn đóng tiền lãi cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn chỉ khai tôi đóng tiền lãi đến tháng 7-2016 là không đúng. Yêu cầu cấp phúc thẩm tính lại số tiền lãi tôi đã trả cho bà E. Đối với số tiền chuyển cho ông Hà Điện là tiền của tôi chuyển, nếu lần nào chuyển là tiền của bà E thì tôi sẽ ghi nội dung chuyển tiền

là của bà E, còn tiền nào của tôi chuyển cho ông Hà Điện thì ghi là tiền của tôi. Nên tôi yêu cầu sửa án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Luật sư Trịnh Văn H1 trình bày: Đối với yêu cầu kháng cáo của chị H2, chị H2 có cung cấp được bản ghi âm làm việc tại cấp sơ thẩm. Việc làm việc của cấp sơ thẩm là công khai, là của cơ quan tiến hành tố tụng nhưng bị đơn lại tự ý ghi âm là cần xem lại tính hợp pháp của đoạn băng ghi âm. Nên đề nghị không chấp nhận chứng cứ mà bị đơn cung cấp.

Đối với số tiền lãi: Chị H2 cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh đã trả tiền lãi cho cho bà E, lời trình bày của bị đơn là lời trình bày một phía, không được bà E thừa nhận. Lời trình bày của chị H2 không thể hiện đã trả lãi cho bà E được bao nhiêu. Đối với tiền của ông Hà Điện: Bị đơn không biết ông Hà Điện ở đâu, khai ông Hà Điện ở ĐakLak là không đúng, bị đơn thừa nhận lời nói trong đoạn băng ghi âm mà bà E cung cấp là của bị đơn, đoạn bang ghi âm có thể hiện nội dung chị H2 gửi tiền cho ông Hà Điện là tiền của bà E nhờ chị H2 chuyển thay. Do đó, lời trình bày của chị H2 là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2 phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H2, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2, sửa án sơ thẩm như kháng nghị đã phân tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Thái Thị H2 thấy rằng:

[1.1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị H2 đúng theo mẫu, đầy đủ nội dung, trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí là hợp lệ về hình thức.

[1.2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện của bà E yêu cầu chị H2 trả số tiền 800.000.000 đồng tiền vay theo biên nhận ngày 22-3-2016 (al), lãi suất 3%/tháng và 02 lần vay chị H2 vay đáo hạn Ngân hang 100.000.000 đồng không có ghi giấy nợ, tổng cộng là 900.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật. Chị H2 chỉ thừa nhận có vay 800.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 22-3-2016 (al), không thừa nhận có vay 100.000.000 đồng. Chị H2 trình bày đã trả nợ gốc được 60.000.000 đồng ghi trong giấy vay nợ ngày 22-3-2016 (al), chuyển khoản cho chị E 69.700.000 đồng ngày 02-11-2017, 10.000.000 đồng

ngày 19-12-2017, tháng 08-2017, góp 03 lần tiền 14.500.000 đồng, chuyển khoản cho ông Điện (trả nợ thay cho bà E) 127.000.000 đồng. Tổng cộng đã trả được 281.200.000 đồng nợ gốc và trả lãi tổng cộng được 417.000.000 đồng. Bà E khai chỉ trả lãi 120.500.000 đồng, chưa trả gốc. Cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận trả gốc 154.200.000 đồng, bà E không kháng cáo. Chị H2 khai đã trả tiền lãi 417.000.000 đồng, bà E chỉ thừa nhận trả lãi 120.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận chị H2 trả 220.500.000 đồng tiền lãi, bà E không kháng cáo. Nên chỉ xem xét yêu cầu kháng cáo của chị H2: số tiền trả 127.000.000 đồng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận, tiền lãi 417.000.000 chị H2 khai trả, bà E không thừa nhận.

[1.3] Xét thấy, chị H2 kháng cáo cho rằng tiền chuyển khoản trả cho ông Điện là tiền của chị trả nợ thay cho bà E, bà E khai là tiền của bà E, chỉ nhờ chị H2 chuyển khoản giùm. Trong đoạn ghi âm bà E cung cấp cho Tòa, có nội dung chị H2 thừa nhận tiền chuyển khoản cho ông Hà Điện là tiền của bà E. Tại kết luận giám định số 3533/C09B ngày 17-9-2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục Cảnh sát đã xác định tiếng nói trong đoạn băng ghi âm là tiếng nói của chị H2, có nội dung tiền chuyển trả cho ông Hà Điện là tiền của bà E. Nên việc chị H2 kháng cáo đối với số tiền trả nợ thay cho bà E là không có căn cứ chấp nhận. Đối với lãi suất 3%/tháng, chị H2 tự tính theo thời gian được khoản tiền lãi 417.000.000 đồng không có chứng cứ kèm theo, không được bà E thừa nhận. Cấp sơ thẩm chấp nhận lãi theo lời khai nhận của bà E là có căn cứ, nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị H2.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2, thấy rằng:

Cấp sơ thẩm chấp nhận các khoản tiền trả gốc 154.200.000 đồng, nhưng không khấu trừ vào tiền gốc vay 800.000.000 đồng mà tính lãi xuyên suốt từ lúc vay đến ngày xét xử sơ thẩm 16-11-2018 là gây thiệt hại cho chị H2. Tiền trả phải được trừ vào tiền nợ gốc đã vay, tiền gốc giảm, tiễn lãi sẽ giảm. Nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2 là có căn cứ nên chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

+ Lãi suất từ ngày 22-3-2016 AL (28-4-2016) đến ngày 15-8-2017 là 15 tháng 13 ngày (là lãi suất khi chưa trả tiền gốc):

800.000.000đ x 1,125%/tháng x 15 tháng 13 ngày = 138.900.000 đồng.

+ Lãi suất từ ngày 15-8-2017 đến ngày 02-11-2017 là 02 tháng 17 ngày (khi trả được 14.500.000 đồng):

785.500.000 x 1,125%/tháng x 02 tháng 17 ngày = 22.681.312 đồng.

+ Lãi suất từ ngày 02-11-2017 đến ngày 19-12-2017 là 01 tháng 17 ngày (khi trả thêm tiền gốc 129.700.000 đồng):

655.800.000 đ x 1,125%/tháng x 01 tháng 17 ngày = 11.558.475 đồng.

+ Lãi suất từ ngày 19-12-2017 đến ngày 16-11-2018 là 10 tháng 14 ngày (khi trả thêm tiền gốc 10.000.000 đồng):

645.800.000 x 1,125%/tháng x 10 tháng 3 ngày = 73.379.025 đồng.

Tổng cộng, tiền lãi là 246.518.812 đ – 220.500.000đ = 26.018.812 đồng.

[3] Xét kháng nghị về số tiền 14.500.000 đồng cấp sơ thẩm tính chưa đúng, cũng như phần sửa chữa, bổ sung về án phí sơ thẩm là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Cấp phúc thẩm tính lại lãi suất nên sẽkéo theo sửa 02 phần này, nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy không chấp nhận kháng cáo của chị H2, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2. Sửa án sơ thẩm theo hướng buộc chị Thái Thị H2 trả cho bà Nguyễn Thị E 671.818.812 đồng (trong đó có 645.800.000 đồng tiền gốc và 26.018.812 đồng tiền lãi).

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2 là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Thái Kim H2.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2.

Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E đối với chị Thái Thị H2 trong "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Thái Thị H2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền 671.818.812 (sáu trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm mười tám ngàn, tám trăm mười hai) đồng (trong đó có 645.800.000 đồng tiền gốc và 26.018.812 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

2. Buộc chị Thái Thị H2 có nghĩa vụ trả số tiền chi phí tố tụng cho bà Nguyễn Thị E là 8.550.000 (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Thái Thị H2 phải chịu 30.872.752 (ba mươi triệu, tám trăm bảy mươi hai ngàn, bảy trăm năm mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị E phải chịu số tiền 14.134.000 (mười bốn triệu, một tram ba mươi bốn ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 19.500.000 (mười chín triệu, năm trăm ngàn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0007022 ngày 18-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN1, tỉnh TN2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền 5.366.000 (năm triệu, ba tram sáu mươi sáu ngàn) đồng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho chị Thái Kim H2 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006202 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN1, tỉnh TN2.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN2;
- TAND tp. TN1;
- Chi Cục THADS tp. TN1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Son

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lâm Văn Be **Nguyễn Thanh Minh Châu** **Nguyễn Văn Son**